TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 100/2024/HNGĐ- ST Ngày: 17 -6-2024 V/v Ly hôn và nuôi con chung	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Khương và ông Nguyễn Hưng.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh vũ – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc ly hôn và nuôi con chung; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh Q – Sinh năm: 1994; Trú tại: Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà N – Sinh năm: 1993; Nơi đăng ký HKTT: Buôn A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Đ – Bộ C (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Anh Q trình bày:

Ông Nguyễn Anh Q và bà N tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 13/10/2016.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà N đã bỏ nhà đi từ năm 2017 cho đến nay, để lại con cho ông Q nuôi dưỡng. Sau đó ông Q được biết bà N đang chấp hành án tại Trại giam Đ – Bộ C. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên ông Q đề nghị Tòa án giải quyết cho ông Q được ly hôn với bà N

Về con chung: Ông Q và bà N có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiểu L – Sinh ngày 28/10/2016. Ông Q có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu L đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con vì từ khi con còn nhỏ bà N đã bỏ đi, để con lại cho ông Q nuôi dưỡng và hiện nay bà N đang chấp hành án phạt tù không thể nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/4/2024 bị đơn bà N trình bày có nội dung: Tôi và anh Nguyễn Anh Q tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 13/10/2016.

Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau, anh Q thường hay đánh tôi về chuyện trong gia đình, từ đó vợ chồng sống ly thân từ năm 2018, nay anh Q yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với tôi, tôi xin đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 01con chung là cháu Nguyễn Tiểu L – Sinh ngày 28/10/2016. Tôi không có nguyện vọng gì về việc nuôi con

Về tài sản chung: Chúng tôi sống với nhau không có tài sản chung.

Bà N H'Ni N1 có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa nên không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- *Về tố tụng:* Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX cũng như nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định tại điều 70, điều 71 BLTTDS.

-*Về nội dung:* Đề nghị căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh Q.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Anh Q được ly hôn với bà N.

Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Tiểu L – Sinh ngày 28/10/2016 cho ông Nguyễn Anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà N H' Ni Na được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

-*Về tài sản chung*: Ông Nguyễn Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-*Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông Nguyễn Anh Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn bà N trước đây cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của ông Nguyễn Anh Q xin ly hôn bà Nay H' Ni Na. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Q và bà N tự nguyện lấy nhau có đăng kí kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 13/10/2016 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của đương sự; Nguyên đơn ông Q xác định trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà N đã bỏ nhà đi từ năm 2017 cho đến nay, để lại con cho ông Q nuôi dưỡng. Sau đó ông Q được biết bà N đang chấp hành án tại Trại giam Đ – Bộ C. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên ông Q đề nghị Tòa án giải quyết cho ông Q được ly hôn với bà N. Tại bản tự khai bà N cũng xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau, ông Q hay đánh bà, về chuyện trong gia đình, từ đó vợ chồng sống ly thân từ năm 2018, nay ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bà, bà xin đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông Q, bà N đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng để hòa giải hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nhưng bà N xin vắng mặt do đang phải chấp hành án phạt tù nên không tiến hành hòa giải được, do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn ông Nguyễn Anh Q với bà N là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

-Về con chung: ông Nguyễn Anh Q với bà N có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiểu L – Sinh ngày 28/10/2016 hiện nay cháu L đang do ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, cháu L cũng có nguyện vọng xin được ở với ông Q, hiện nay bà N đang hấp hành án phạt tù nên cần giao các con chung cho ông Nguyễn Anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

-Về tài sản chung: Ông Nguyễn Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết là tự nguyện và phù hợp cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn Ông Nguyễn Anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn bà N không phải chịu tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]***Tuyên xử:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh Q.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Anh Q được ly hôn với bà N.

Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Tiểu L – Sinh ngày 28/10/2016 cho ông Nguyễn Anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

-*Về tài sản chung*: Ông Nguyễn Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]*Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông Nguyễn Anh Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ông theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0009614 ngày 14/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND Tp. BMT;
-Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND P. Khánh Xuân
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt